

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép số /GP-UBND ngày /12/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ hoạt động của cán bộ, công nhân viên làm việc tại khu vực Dự án.
- Nước thải sản xuất: Phát sinh từ quá trình sản xuất của Dự án, lượng nước này được sử dụng tuần hoàn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. *Nguồn tiếp nhận nước thải:* Nguồn tiếp nhận nước thải sinh hoạt là khu vực môi trường Dự án tại thôn Khe Mò, xã Bắc Lãng, huyện Đình Lập.

2.2. *Vị trí xả nước thải*

- Vị trí xả thải: 01 vị trí sau bể tự hoại cải tiến 3 ngăn Bastaf xử lý nước thải tại Dự án.
- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107015', múi chiều 30)

X = 2368090; Y = 499278

2.3. *Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:* 1,2 m³/ngày, đêm.

- Phương thức xả nước thải: Tự chảy.
- Chế độ xả nước thải: Liên tục (24 giờ)
- Chất lượng nước thải phải đáp ứng yêu cầu chất lượng theo cột B, QCVN14:2008/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	PH	-	5 – 9	Không thuộc đối tượng thực hiện	Không thuộc đối tượng thực hiện
2	BOD5 (200C)	mg/l	50		
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100		
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	1.000		

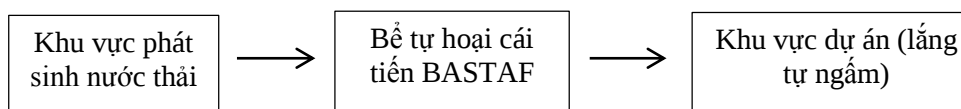
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0		
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50		
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20		
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10		
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10		
11	Tổng Coliforms	MPN/100ml	5.000		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

1.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt

1.1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt



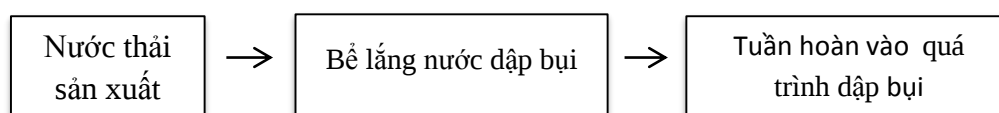
1.1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sinh hoạt

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt được thu gom bằng đường ống, thoát vào bể tự hoại. Nước thải sau xử lý tại bể tự hoại được thoát ra môi trường khu vực Dự án.

- Công suất thiết kế: 01 bể tự hoại cải tiến BASTAF, thể tích 26,99m³.

1.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải sản xuất

1.2.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải sản xuất



1.2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải sản xuất

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước sau khi đập bụi được dẫn về 01 bể lắng. Bể lắng có bố trí máy bơm chìm, nước sau lắng được máy bơm chìm dẫn

tuần hoàn lại vào quá trình đập bụi của trạm mà hoàn toàn không xả thải ra môi trường. Định kỳ bể lắng được bổ sung thêm nước sạch do quá trình bốc hơi làm thất thoát nước trong bể. Chất lượng nước thải phải đáp ứng yêu cầu chất lượng theo cột B, QCVN 40:2011/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

- Công suất thiết kế: Bể lắng có kích thước (9,0m x 6,0m x 3,0m).

1.3. *Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục*: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. *Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố*

a) Biện pháp phòng ngừa sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và duy tu, thay thế các thiết bị hỏng để kịp thời khắc phục sự cố, đảm bảo hiệu quả xử lý nước thải.

b) Biện pháp ứng phó sự cố

Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất hệ thống xử lý hay sự cố kỹ thuật khác phải dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

2.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

2.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung Giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp Giấy phép xem xét, giải quyết.
- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các công trình xử lý nước thải, Chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND huyện, Phòng Tài nguyên và Môi trường để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI
TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép số /GP-UBND ngày /12/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: Ống khói xử lý khí thải của Dự án.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

2.1. Vị trí xả khí thải

- Vị trí xả thải: Điểm xả thải sau xử lý của ống khói tại trạm bê tông nhựa nóng.

- Tọa độ vị trí xả thải (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$, múi chiếu 3°)

$X = 2368097; Y = 499294$

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: $570 \text{ m}^3/\text{phút}$, tương đương $34.200 \text{ m}^3/\text{giờ}$.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả thải gián đoạn.

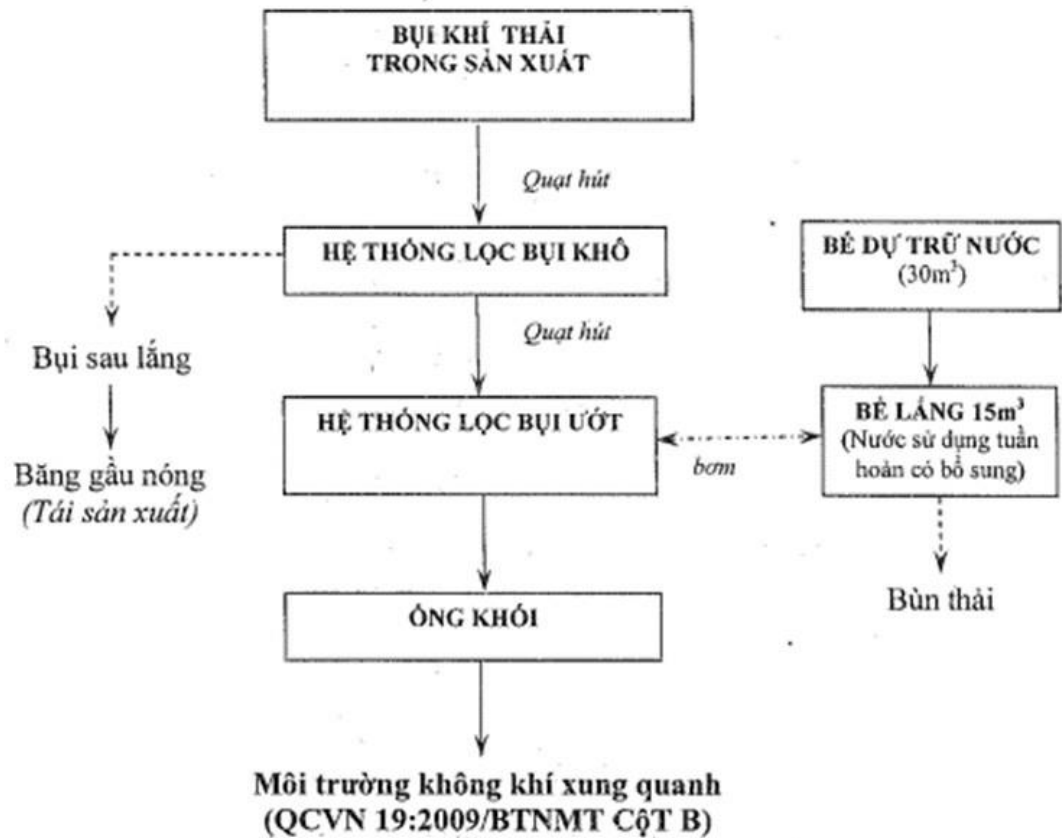
2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí: Chất lượng khí thải phải đáp ứng yêu cầu chất lượng theo Cột B, QCVN 19: 2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ. Cụ thể:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	Lưu lượng*	$\text{m}^3/\text{giờ}$	-	Không thuộc đối tượng cần thực hiện	Không thuộc đối tượng cần thực hiện
2	Vận tốc*	m/s	-		
3	Nhiệt độ*	$^{\circ}\text{C}$	-		
4	Bụi tổng (PM)	mg/Nm^3	200		
5	Cacbon oxit, CO	mg/Nm^3	1.000		
6	Nitơ oxit, NO_x (tính theo NO_2)	mg/Nm^3	850		
7	Lưu huỳnh đioxit, SO_2	mg/Nm^3	500		
8	Axit Clohydric, HCL	mg/Nm^3	50		
9	Bụi chứa Silic	mg/Nm^3	50		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải



1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Bụi khí thải trong sản xuất được quạt hút, hút về hệ thống lọc bụi khô. Thiết bị hút bụi chính (xyclon hút bụi) hút những bụi có độ lớn bằng hạt cát cốc bằng phương pháp ly tâm và thiết bị hút bụi phụ (thiết bị lọc) dùng cho những hạt bụi nhỏ thông qua túi lọc. Bụi được thu giữ trong thiết bị chính bằng phương pháp tự chảy thông qua hệ thống đối trọng được lắp đặt ở phần dưới của xyclon hút bụi, sẽ được đưa vào băng gầu nóng thông qua ống dẫn. Sau đó, dòng khí tiếp tục theo quạt hút đến hệ thống lọc bụi ướt. Hệ thống lọc bụi ướt thu giữ và xử lý các hạt bụi cỡ nhỏ hơn (cỡ hạt vào khoảng nhỏ hơn 0,1mm). Khí bụi đi qua hệ thống này nhờ có bố trí ống phun nước làm cho các hạt bụi khô, nóng bị ướt rồi chuyển sang các bình lắng rồi chảy về bể lắng. Phần khí thải sau xử lý sẽ theo ống khói cao 14,4m thoát ra môi trường không khí xung quanh. Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B.

Tại bể lắng đập bụi, bùn được lắng đọng qua các ngăn bể và nước sau lắng được sử dụng lại tuần hoàn. Sau một thời gian sản xuất, bùn được xúc đi để đảm bảo diện tích hữu dụng trong lắng lọc của bể.

- Công suất thiết kế: Kích thước công trình xử lý khí thải của trạm bê tông nhựa nóng.

TT	HẠNG MỤC	SL	ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT	GHI CHÚ
1	Hệ thống lọc bụi khô (xyclon hút bụi)	1	Lọc bụi khô dạng kép ly tâm Ø2300 x L6000 Cấu tạo bằng thép	Các hạng mục này được lắp đặt đồng bộ.
2	Quạt hút	1	Công suất 570m ³ / phút x 350mmH ₂ O ở 140 ⁰ C Mô tơ 57KW của VIHEM	
3	Hệ thống lọc bụi ướt	1	Đường kính 1,5m, chiều cao 2m. Cấu tạo bằng BTCT.	
4	Ống khói	1	Đường kính 1,16m, chiều dài 14,4m, cấu tạo bằng thép.	
5	Bơm nước	2	Công suất 0,35 m ³ / phút x H=15m, chạy điện 3 pha.	
6	Bể lắng	1	Gồm 1 bể bằng BTCT, dài 9mx rộng 6,0m x sâu thoải 3,0m.	

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Hạng mục công trình	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được tại thời điểm kết thúc quá trình vận hành thử nghiệm
Ống khói sau xử lý của trạm	Thời gian bắt đầu sau khi hoàn thành xây dựng các công trình bảo vệ môi trường (Dự kiến hoàn thành vào năm 2024)	Sau 1 tháng khi bắt đầu vận hành thử nghiệm	70 - 80% công suất hoạt động

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

2.2.1. Vị trí lấy mẫu (theo vị trí được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (thực hiện theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này)

2.3. Tần suất lấy mẫu

TT	Vị trí lấy mẫu	Thời gian lấy mẫu và phân tích mẫu	Chỉ tiêu đo đạc, quan trắc	Quy chuẩn so sánh
1	Điểm xả thải sau xử lý của ống khói tại trạm bê tông nhựa nóng.	- Lấy mẫu: 03 mẫu/3 ngày. - Thời gian quan trắc dự kiến: 03 ngày lấy mẫu. Chủ dự án tự quyết định thời gian vận hành ổn định các công trình trong khoảng thời gian vận hành thử nghiệm từ khi bắt đầu vận hành thử nghiệm đến khi kết thúc vận hành thử nghiệm	Lưu lượng*, Vận tốc*, Nhiệt độ*, Bụi tổng (PM), Cacbon oxit, CO, Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂), Lưu huỳnh đioxit, SO ₂ , Axit Clohydric, HCL, Bụi chứa Silic	Cột B, QCVN 19: 2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

Ghi chú: Chủ dự án chủ động thông báo cho UBND huyện Đình Lập trước 10 ngày (kể từ ngày vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải) để theo dõi và giám sát.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của Dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép số /GP-UBND ngày /12/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Từ hoạt động của các thiết bị máy móc trong khu vực sản xuất của Dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Khu vực hệ thống máy sản xuất. Tọa độ vị trí phát sinh (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107150, múi chiếu 30)

X = 2368097; Y = 499294

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung

3.1. Tiếng ồn: Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung: Giá trị giới hạn đối với độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	Không thuộc đối tượng	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Ban hành quy định đối với tốc độ xe, tải trọng xe khi ra vào Dự án. Xe chở đúng tải trọng theo quy định.

- Thường xuyên kiểm tra, vận hành máy móc, thiết bị đặc biệt là các thiết bị chống tiếng ồn, độ rung.

- Không cho xe nổ máy tại trạm trộn khi đang trong thời gian chờ đổ và chứa bê tông.

- Không dùng còi trong khu vực Dự án.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường: Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép số /GP-UBND ngày /12/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập)

A. YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. *Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:*
Ước tính khối lượng CTNH phát sinh như sau:

TT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	5	16 01 06
2	Giẻ lau có dính dầu mỡ thải	10	18 02 01
3	Dầu thải	20	17 06 01
4	Hộp mực tin thải	2	08 02 04
5	Bao bì cứng bằng kim loại chứa TPNH	5	18 01 02
Tổng		42	

1.2. *Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phát sinh:* Ước tính khối lượng như sau:

STT	Tên Chất thải công nghiệp phát sinh	Đơn vị	Khối lượng
1	Bùn từ bể lắng nước	Kg/tháng	200
Tổng			200

1.3. *Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:* Khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh thường xuyên khoảng 5 kg/ngày, tương đương 150 kg/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí đủ các thùng chứa dung tích 100L và thùng phuy dung tích 200L, tất cả đều có nắp đậy, dán nhãn, ghi mã CTNH.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa: Khu lưu chứa CTNH tại khu vực nhà kho có nền bê tông, có mái che, có biển cảnh báo, lưu chứa riêng CTNH.

2.2. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải công nghiệp phát sinh:* Lượng bùn thải được lưu trữ tại bể lắng nước thải sản xuất của Dự án, định kỳ được Chủ dự án thuê xe vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

2.3. *Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt*

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí đủ các thùng rác nhựa PE có dung tích 50L để thu gom rác thải phát sinh.

2.3.2. Khu vực lưu chứa: Bố trí đủ các thùng rác loại 50L có màu sắc riêng để phân loại rác. Màu sắc thùng chứa chất thải nguy hại theo quy định theo pháp luật.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Đảm bảo an toàn và thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ, sự cố hệ thống xử lý nước thải và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường và phục hồi môi trường sau sự cố theo quy định tại Điều 122, Điều 123, Điều 124 và Điều 125 Luật Bảo vệ môi trường.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

*(Kèm theo Giấy phép số /GP-UBND ngày /12/2024
của Ủy ban nhân dân huyện Đình Lập)*

1. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này, các nội dung trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép của Dự án đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

2. Thực hiện đúng Chương trình giám sát môi trường theo nội dung Giấy phép này và các nội dung trong Báo cáo đề xuất cấp Giấy phép của Dự án đã được phê duyệt, báo cáo kết quả thực hiện theo quy định./
